CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP

Ngày 30/06/2025	118,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	18.6%	**48.9%**	**24.7%**

DT thuần
Q2/25
716
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 345| 93.1%
YoY: ▲ 314| 78.2%

LN thuần
Q2/25
91.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 71.2| 354%
YoY: ▲ 60.0| 192%

LN sau thuế
Q2/25
73.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 58.1| 380%
YoY: ▲ 47.9| 188%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
14.2%
YoY: +/-▲ 6.6%

ROE (TTM)
Q2/25
31.5%
YoY: +/-▲ 6.6%

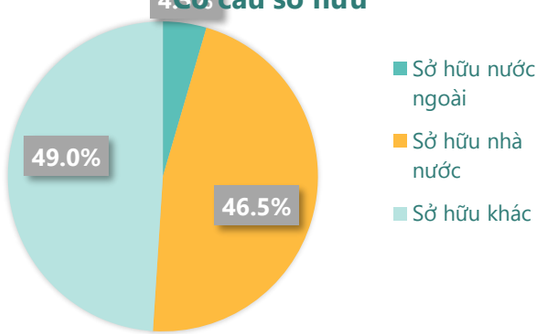
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	67,800 - 121,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,842
Số lượng CPLH (CP)	32,418,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125
Sở hữu nước ngoài	4.5%
Beta	0.67
EPS	6,051
P/E	19.6

DT thuần
6T 2025
1,088
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 419| 62.6%

LN thuần
6T 2025
111
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.3| 139%

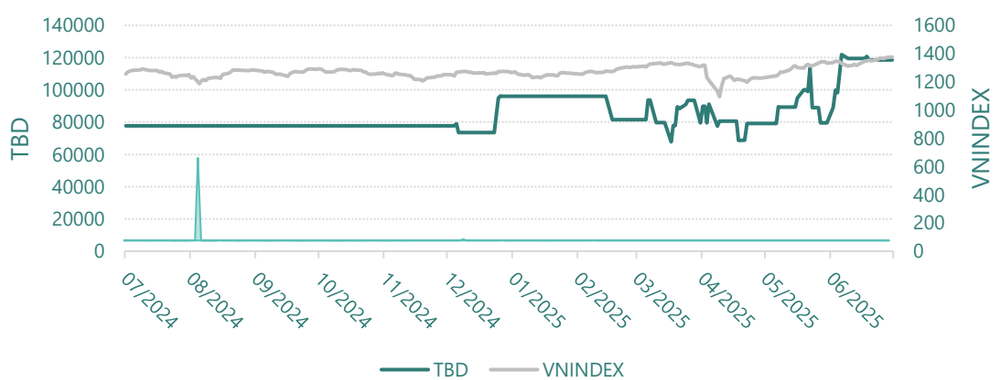
LN sau thuế
6T 2025
88.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 51.1| 136%

Cơ cấu sở hữu

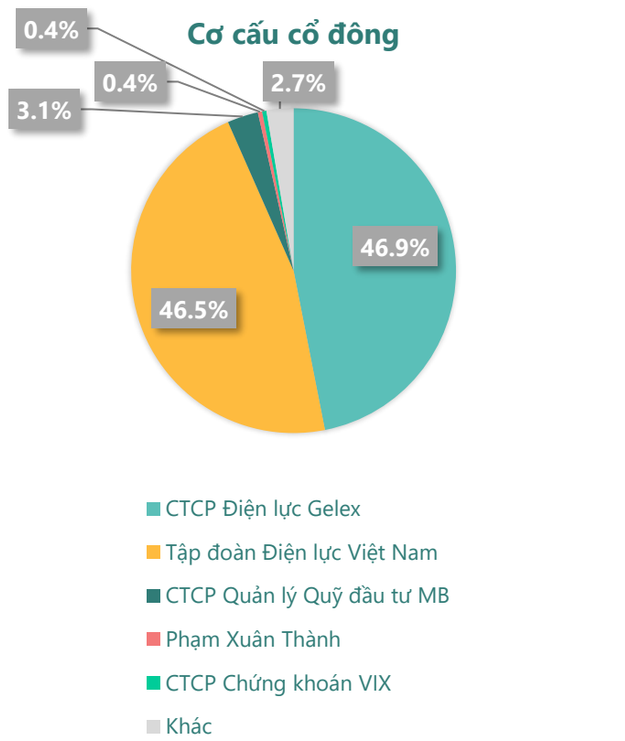


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



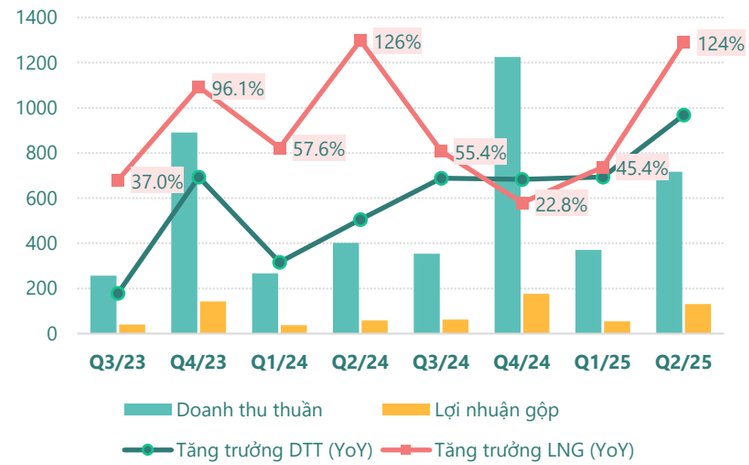
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

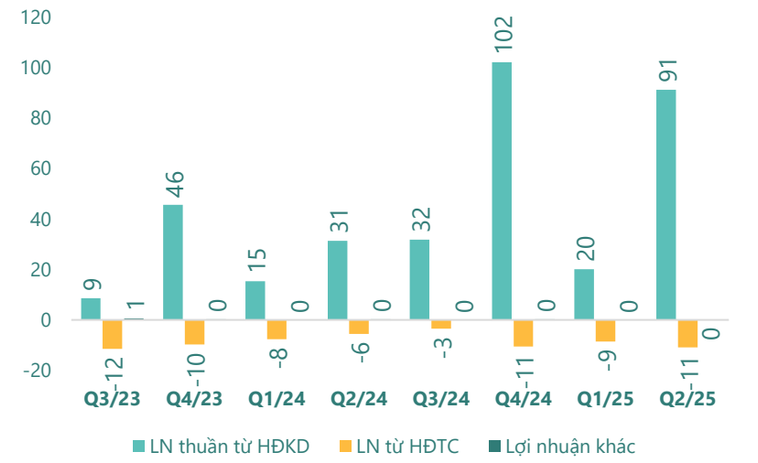
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



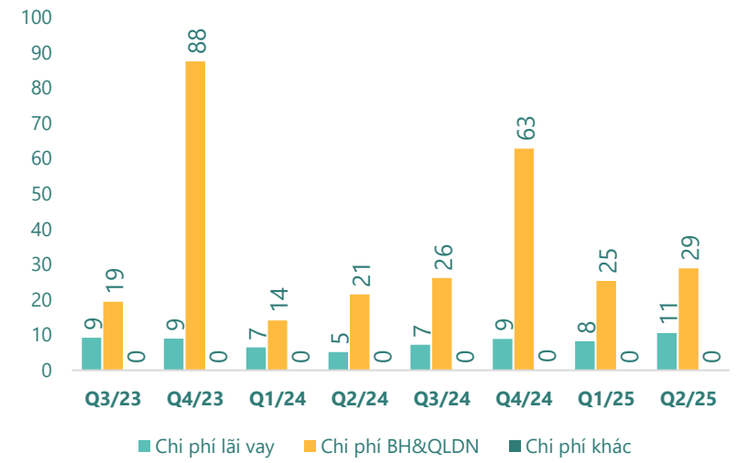
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



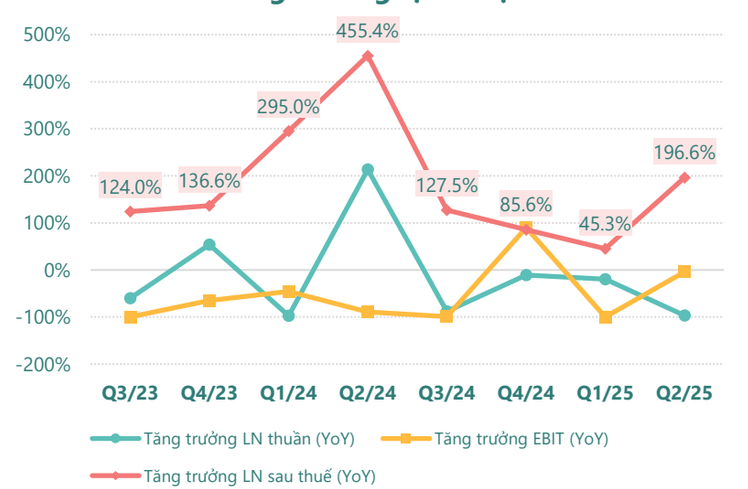
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



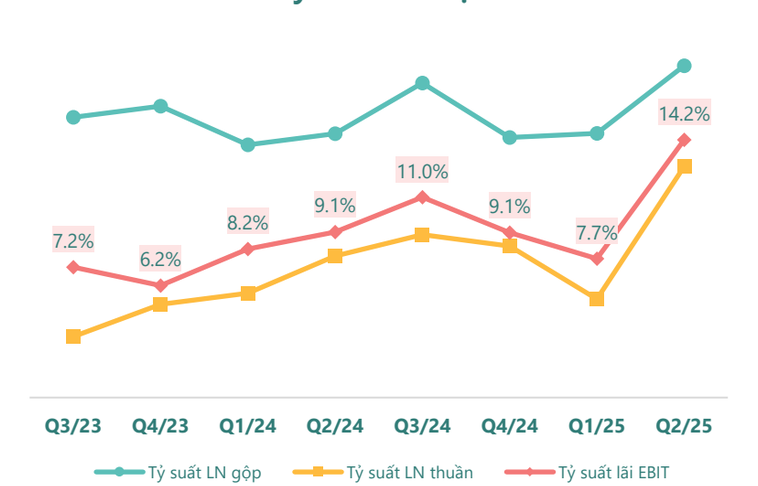
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



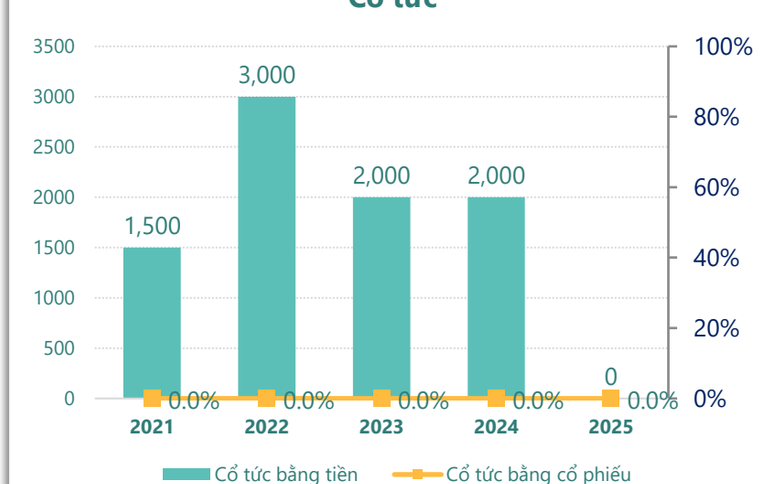
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

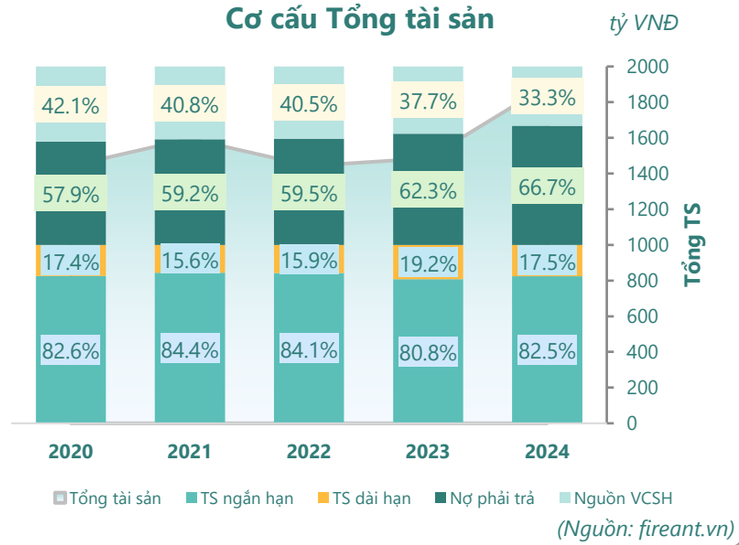
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

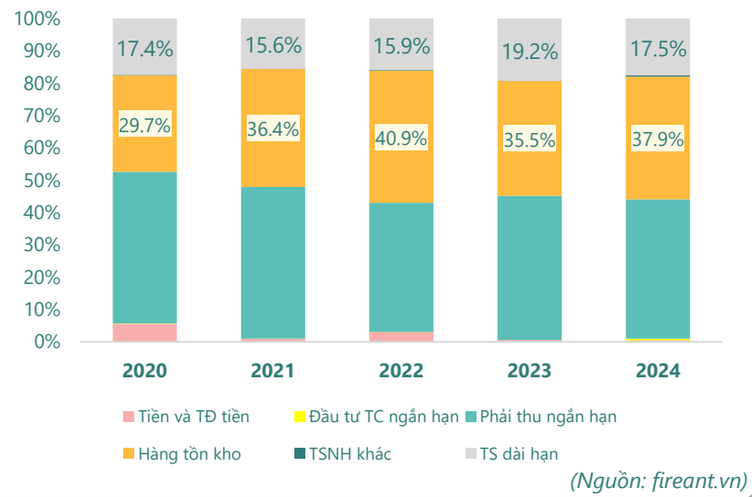
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



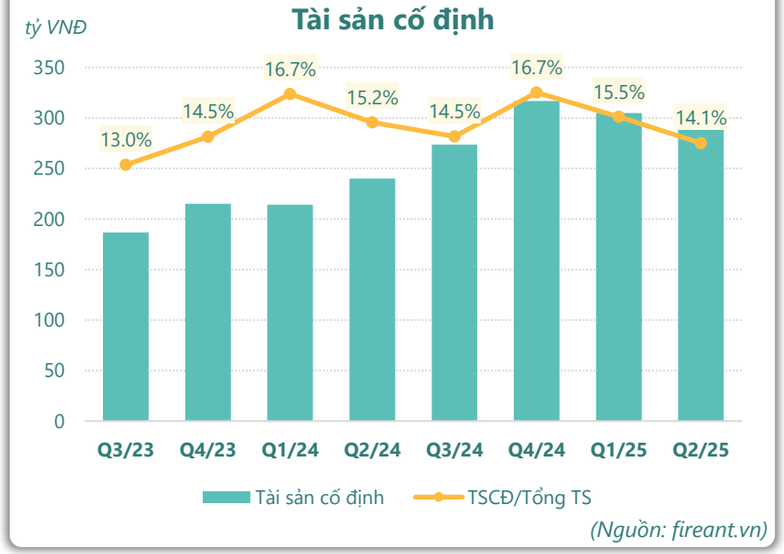
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



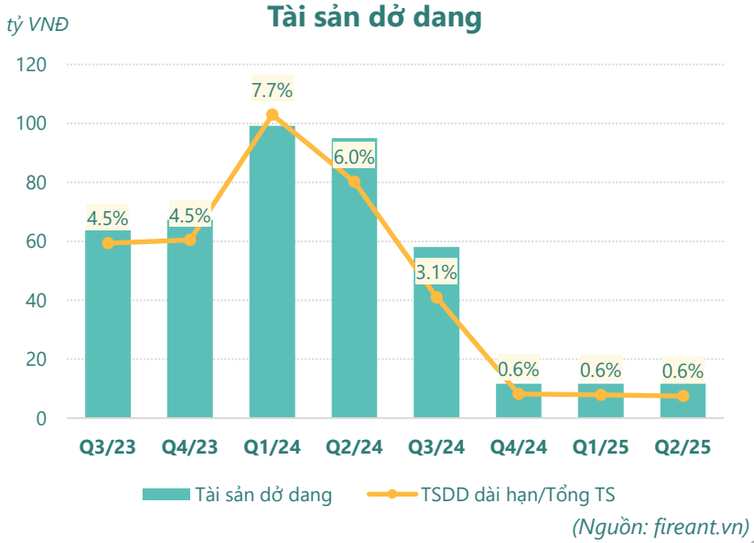
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



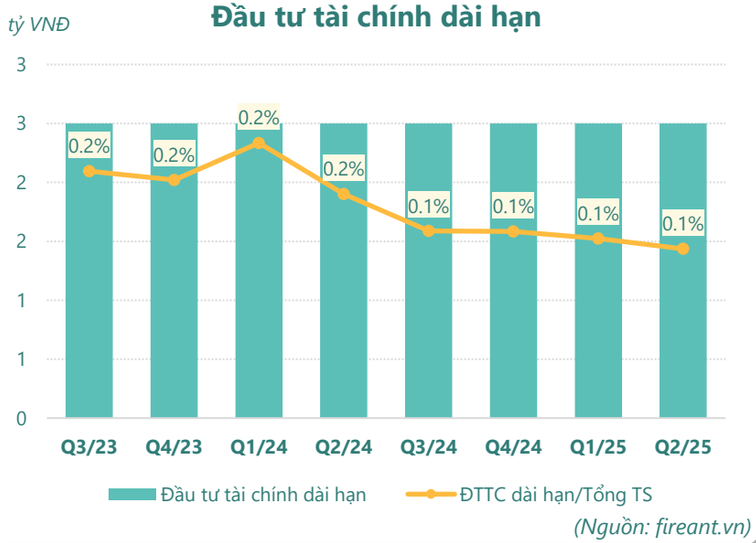
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



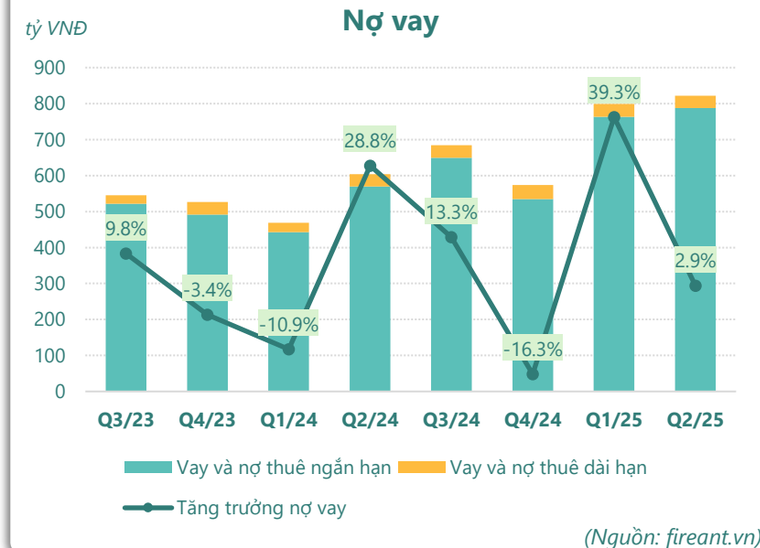
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

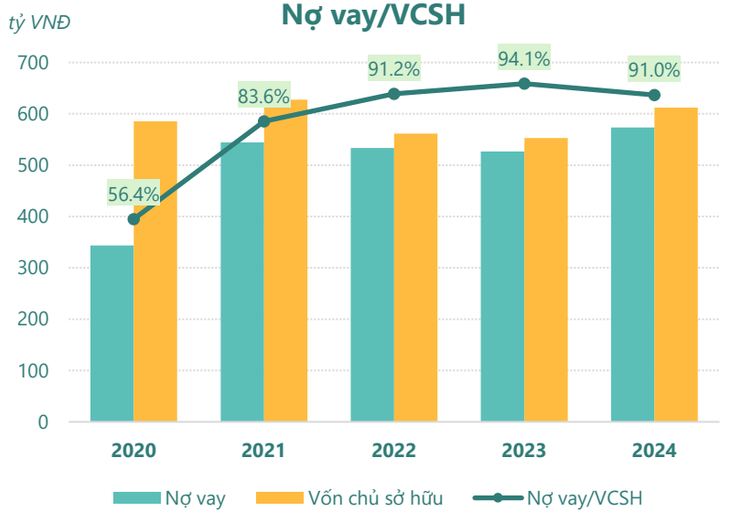
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

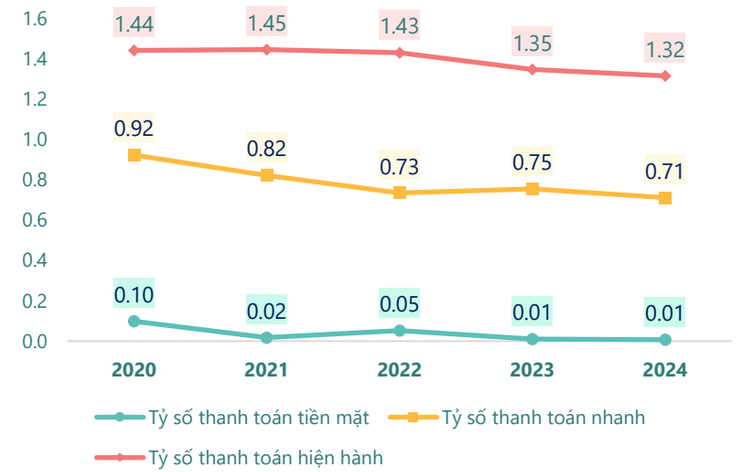
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



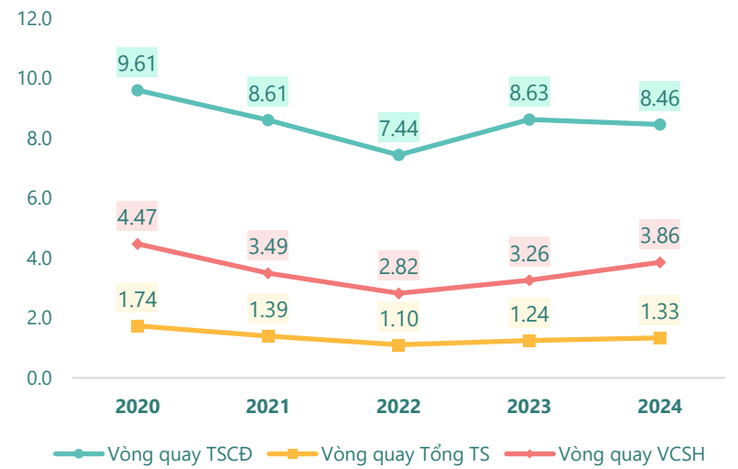
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



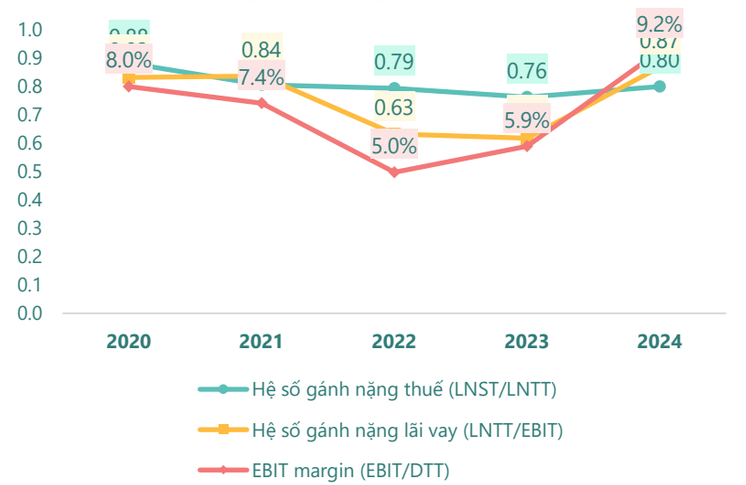
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



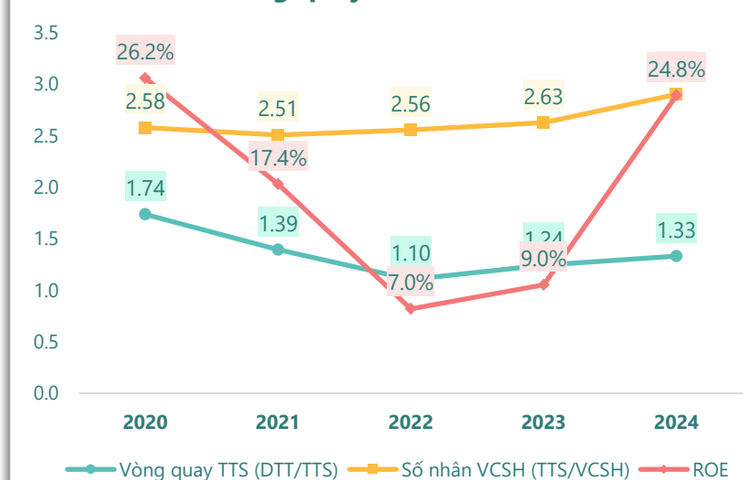
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



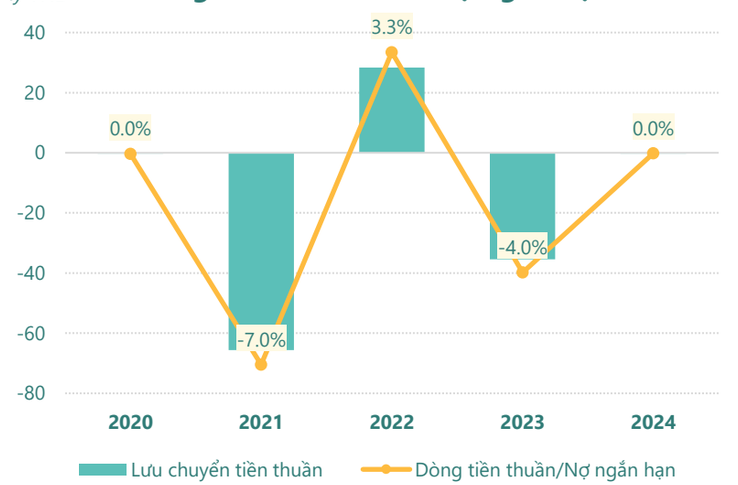
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**716**	**402**	**78.2%**	**1,088**	**669**	**62.6%**
Giá vốn hàng bán	585	343	70.7%	903	573	57.4%
Lợi nhuận gộp	131	58.4	124%	185	95.6	93.6%
Doanh thu HĐTC	3.05	0.09	3289%	5.76	0.21	2626%
Chi phí TC	14.0	5.72	144%	25.3	13.6	86.5%
Chi phí lãi vay	10.5	5.13	105%	18.8	11.6	61.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	13.9	3.46	303%	20.5	7.09	189%
Chi phí QLDN	**14.9**	**18.0**	**-17.0%**	**33.8**	**28.5**	**18.4%**
LN thuần từ HĐKD	91.3	31.3	192%	111	46.7	139%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.21**	**-104%**	**0.01**	**0.24**	**-95.1%**
LN trước thuế	91.3	31.6	189%	111	46.9	137%
Lợi nhuận sau thuế	**73.4**	**25.5**	**188%**	**88.7**	**37.6**	**136%**
LNST của CĐ cty mẹ	**73.4**	**25.5**	**188%**	**88.7**	**37.6**	**136%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	97.9	-79.7	-32.9	86.9	-195	-22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.8	-67.0	-17.7	31.5	7.95	-4.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-57.4	135	80.6	-146	195	22.9
Tiền đầu kỳ	8.81	17.4	5.89	35.8	8.51	16.7
Lưu chuyển tiền thuần	**8.59**	**-11.5**	**30.0**	**-27.3**	**8.15**	**-3.65**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.00	-0.11	0.08	0.03	-0.01
Tiền cuối kỳ	17.4	5.89	35.8	8.51	16.7	13.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,090**	**1,894**	**10.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,779	1,562	13.9%
Tiền và tương đương tiền	13.0	8.51	53.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	10.1	-98.9%
Phải thu ngắn hạn	811	817	-0.8%
Hàng tồn kho	930	717	29.6%
Tài sản ngắn hạn khác	26.0	9.32	179%
Tài sản dài hạn	**310**	**332**	**-6.4%**
Phải thu dài hạn	0.24	0.24	3.0%
Tài sản cố định	296	317	-6.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.7	11.7	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.41**	**0.47**	**-11.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,399	1,263	10.8%
Nợ ngắn hạn	**1,322**	**1,188**	**11.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	788	535	47.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	228	365	-37.5%
Nợ dài hạn	76.9	75.7	1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	33.8	38.7	-12.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**691**	**630**	**9.6%**
Vốn chủ sở hữu	**674**	**612**	**10.2%**
Vốn điều lệ	325	325	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**16.5**	**18.3**	**-10.3%**

(Nguồn: fireant.vn)